LƯU TRỮ HỌC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LƯU TRỮ HỌC VIÊT NAM

**I. KHÁI NIỆM VỀ LƯU TRỮ HỌC VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU**

**1. Khái niệm về lưu trữ học**

Lưu trữ học là gì? Khái niệm này ít được bàn thảo trên các tác phẩm lưu trữ học. Từ điển Từ hải của Trung Quốc giải thích: “Lưu trữ học là khoa học nghiên cứu về tài liệu lưu trữ và quy luật của công tác lưu trữ. Chủ yếu nghiên cứu về sự phát sinh, hình thành, vận động và phát triển của tài liệu lưu trữ, quy luật và nguyên lý của thực tiễn công tác quản lý khoa học và sử dụng tài liệu lưu trữ, gồm lưu trữ học đại cương, khoa hoc quản lý lưu trữ, quản lý tài liệu lưu trữ khoa học-kỹ thuật. Hệ thống khoa học của nó do lý luận về lưu trữ hoc và ứng dụng lưu trữ học hợp thành, gồm khái luận về lưu trữ học quản lý khoa học về lưu trữ, quản lý tài liệu khoa học kỹ thuật, kỹ thuật bảo quản tài liệu, văn thư học, lịch sử lưu trữ Trung Quốc và thế giới[[1]](#endnote-1). Giáo trình Lý luận và thưc tiễn công tác lưu trữ do Vương Đình Quyền chủ biên định nghĩa: “Lưu trữ học là bộ môn khoa học có nhiệm vụ nghiên cứu va soạn thảo các vấn đề về lý luận, pháp chế và phương pháp của công tác lưu trữ. Khoa học này bao gồm những vấn đề chủ yếu như lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ, lịch sử và tổ chức lưu trữ, thuật ngữ lưu trữ, pháp chế lưu trữ…”[[2]](#endnote-2). Còn Từ điển Lưu trữ Việt Nam thì giải thích rằng, lưu trữ học là “Khoa học nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ, pháp chế lưu trữ, lịch sử và tổ chức công tác lưu trữ, các phương pháp khoa học kỹ thuật lưu trữ, v.v…”[[3]](#endnote-3). Theo tôi, các định nghĩa nói trên tuy có khác nhau về cách diễn đạt và sử dụng từ ngữ, nhưng đã tương đối thống nhất về nội hàm của lưu trữ học. Đó là khoa học nghiên cứu lý luận và phương pháp công tác lưu trữ, pháp chế lưu trữ, quản lý lưu trữ, thuật ngữ lưu trữ, lịch sử lưu trữ. Trong đó lý luận và phương pháp công tác lưu trữ bao hàm cả các nghiệp vụ và kỹ thuật lưu trữ. Tuy nhiên có một nội dung quan trọng mà lưu trữ học cần nghiên cứu, biên soạn là thuật ngữ lưu trữ đã không được đề cập trong một số định nghĩa nói trên. Thiết nghĩ, thuât ngữ lưu trữ- từ chuyên môn để biểu thị các khái niệm liên quan đến lưu trữ, là môt phần quan trọng trong lý thuyết cơ bản về lưu trữ học. Nếu các thuật ngữ không được giải thích hoặc hiểu môt cách chính xác, sẽ có thể dẫn dến những sai lầm trong nghiên cứu lý luận và giải quyết những vấn đề thực tiễn của công tác lưu trữ. Bởi vậy, trên cơ sở định nghĩa của Từ điển Lưu trữ Việt Nam, có thể đưa ra khái niệm về lưu trữ học như sau: Lưu trữ học là khoa học nghiên cứu các vấn đề lý luận và phương pháp công tác lưu trữ, pháp chế lưu trữ, các loại hình tài liệu lưu trữ, quản lý lưu trữ, thuật ngữ lưu trữ, lịch sử lưu trữ.

Trước đây, giới lưu trữ học cho rằng, lưu trữ học là một bộ môn khoa học thuộc phạm trù khoa học xã hội. Nhưng ngày nay, do sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật nói chung, đặc biệt là công nghệ thông tin và thông tin học nói riêng, công tác lưu trữ để tồn tại và phái triển, thỏa mãn được nhu cầu về thông tin tài liệu lưu trữ của bộ máy nhà nước và xã hội, tất yếu phải ứng dụng khoa học kỹ thuật, tin học và thông tin học. Có nghĩa là phải gắn chặt với khoa học kỹ thuật, tin học và thông tin học. Bởi vậy, cần xem lưu trữ học là một khoa học tổng hợp có tính liên ngành.

**2. Đối tượng nghiên cứu của lưu trữ học**.

Từ nội hàm của khái niệm lưu trữ học, cho thấy lưu trữ học có những đối tượng nghiên cứu chính dưới đây:

* Tài liệu lưu trữ: Nghiên cứu tài liệu lưu trữ để làm sang tỏ thành phần, nội dung, tính chất, đặc điểm, giá trị, ý nghĩa của tài liệu lưu trữ và cong tác lưu trữ, cách thức tổ chức khoa học tài liệu…
* Kỹ thuật và phương pháp tiến hành các nghiệp vụ lưu trữ, ứng dụng khoa học và công nghệ vào công tác lưu trữ, kỹ thuật số hóa tài liệu…
* Pháp chế lưu trữ: Hệ thống luật pháp cần được ban hành để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, đảm bảo công tác lưu trữ đạt hiệu quả cao.
* Quản lý lưu trữ, gồm tổ chức bộ máy lưu trữ nội dung, hình thức và phương pháp quản lý.
* Thuật ngữ lưu trữ: Hệ thuật ngữ lưu trữ, cách định nghĩa và ứng dụng các thuật ngữ đó.
* Sự hình thành, vận động, phát triển, thành tựu của lưu trữ Việt Nam và lưu trữ các nước trên thế giới, những bài học lịch sử…

**II. Quá trình hình thành lưu trữ học Việt Nam**

1. **Sơ lược về sự ra đời của khoa học lưu trữ**

Từ góc nhìn thế giới, công tác lưu trữ hình thành từ thời cổ đại ở một số quốc gia chiếm hữu nô lệ, như Babilon, Hy Lạp, La Mã... Thời bấy giờ, ở các nước này, đã có các kho lưu trữ bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của bộ máy chính quyền trung ương. Nhưng để lưu trữ trở thành một khoa học thì phải đến thế kỷ XVIII, XIX, khi một số nước châu Âu như Pháp, Đức, Hà Lan… công tác lưu trữ đã bước đầu được đúc kết thành hệ thống lý luận, một số vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ lưu trữ được bàn thảo trên báo chí và các diễn đàn khoa học. Ở thế kỷ XVIII, XIX, nhiều nước ở châu Âu đã và đang chuyển từ chế độ phong kiến sang tư bản, nhu cầu sử dụng tài liệu lưu trữ để phục vụ quản lý nhà nước, xây dựng và phát triển kinh tế, giải quyết về tranh chấp ruộng đất, biên giới, xâm chiếm thuộc địa…trở nên phổ biến. Vấn đề đặt ra cho công tác lưu trữ là tài liệu của các cơ quan, cần được tổ chức như thế nào để tìm kiếm được nhanh chóng, thuận lợi và thỏa mạn được yêu cầu của người sử dụng. Ví dụ, cuối thế kỷ XVIII, tài liệu của Viện Lưu trữ Quốc gia Paris được Viện trưởng Đô-nuy phân loại theo đặc trưng vấn đề bất kể tài liệu đó thuộc cơ quan, tổ chức nào, cụ thể được chia thành các nhóm như sau:

* Các đạo luật.
* Tài liệu hành chính
* Tài liệu lịch sử
* Tài liệu về địa hình
* Tài liệu về tài sản
* Tài liệu về pháp luật

……………

Tài liệu trong mỗi nhóm nói trên lại được phân thành các nhóm nhỏ hơn theo đặc trưng chuyên đề[[4]](#endnote-4). Hạn chế của cách phân loại này là đã làm cho tài liệu của các cơ quan, tổ chức bị xé lẻ, không phản ánh trọn vẹn một vấn đề, sự việc, gây khó khăn cho việc tra tìm, sử dụng tài liệu. Trước thực tế đó, một số nhà lưu trữ đã nảy sinh ý tưởng phân loại tài liệu theo từng cơ quan, tổ chức, khái niệm phông lưu trữ ra đời từ đây. Đỉnh điểm là năm 1841,tại cuộc họp của Hội đồng Lưu trữ Pháp, nhà lưu trữ- cổ tự học nổi tiếng Na-ta-li de Vây-li đã phê phán phương pháp phân loại của Đô-nuy, đồng thời khẳng định ưu điểm của phương pháp phân loại theo phông. Ông phát biểu: “Phân loại chung theo phông và hồ sơ là phương pháp phân loại đúng đắn duy nhất đảm bảo cho việc sắp xếp tài liệu được chính xác và thống nhất. Cách phân loại này có nhiều ưu điểm, trước hết là dễ thực hiện hơn bất cứ một phương pháp nào khác được sử dụng trong thực tiễn. Bởi vì nó xác định được mối liên hệ của tài liệu văn kiện”[[5]](#endnote-5). Quan điểm của Na-ta-li de Vây-li được đặt tên là “ nguyên tắc tôn trọng phông” (princip recpect des fonds). Cách phân loại này thời bấy giờ cũng được lưu trữ nhiều nước châu Âu ứng dụng. Đến ngày 24 tháng 4 năm 1881, Chính phủ Pháp đã ban hành “Quy tắc sắp xếp và hệ thống hóa tài liệu trong các lưu trữ tỉnh và xã”. Bản Quy tắc quy định: “Cơ sở để hệ thống hóa tài liệu là phân loại tài liệu theo phông của cơ quan, đoàn thể và tổ chức”. Trong phạm vi từng phông, có thể chia tài liệu theo vấn đề, thời gian, địa dư hoặc các đặc trưng khác[[6]](#endnote-6).

Nguyên tắc tôn trọng phông của Pháp đã được lưu trữ Đức cải biến thành nguyên tắc tôn trọng nguồn gốc, hay còn gọi là “nguyên tắc xuất sinh” (Provenienr prinzip). Cốt lõi của nguyên tắc này là khi phân loại tài liệu theo phông và đưa vào bảo quản ở lưu trữ phải tôn trọng trật tự sắp xếp ban đầu ở văn thư, nếu đã bị xáo trộn thì phải khôi phục lại[[7]](#endnote-7). Nguyên tắc xuất sinh đã và đang được đề cao và ứng dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Cũng trong thế kỷ XIX, một số sách và tạp chí về lưu trữ và thư viện đã được ấn hành ở một số nước châu Âu, như các sách “Hướng dẫn phương pháp bảo quản hồ sơ trong các viện lưu trữ”, xuất bản năm 1839 và “Chỉ dẫn phương pháp phân loại tài liệu”, xuất bản năm 1840 của Pháp; “Kỷ yếu về thư viện và lưu trữ” của Bỉ. Ở Pháp còn có tập san Lưu trữ và Thư viện”, còn ở Đức xuất bản tập san định kỳ “Thông báo của cơ quan quản lý lưu trữ Phổ”[[8]](#endnote-8). Tác phẩm lưu trữ có tính học thuật cao nhất là “ Sách hướng dẫn sắp xếp và biên mục tài liệu lưu trữ” của 3 nhà lưu trữ học Hà Lan Samuel Muller, Johan Feite và Robert Fruinr xuất bản năm 1898. Các tác giả đã nói nhiều về vấn đề phân loại tài liệu, lý luận và thực tiễn của nguyên tắc xuất sinh[[9]](#endnote-9). Cuốn sách đã được dịch ra các thứ tiếng Đức, Italia, Pháp … và lưu hành rộng rãi ở nhiều nước châu Âu và Bắc Mỹ. Có thể nói, đến nửa sau của thế kỷ XIX, khoa học lưu trữ mới thực sự hình thành , nơi khởi phát là các nước của Lục địa già, như Pháp, Đức, Hà Lan…

**2. Sự du nhập lưu trữ học vào Việt Nam thời Pháp thuộc**

Qua nghiên cứu sử sách cho thấy, Việt Nam thời phong kiến chưa hình thành khoa học lưu trữ. Tuy dưới thời Nguyễn công tác lưu trữ đã được tiến hành tương đối phổ biến, nhất là lưu trữ của chính quyền trung ương. Các hoàng đế triều Nguyễn đã chủ trương lưu giữ có hệ thống tài liệu hình thành trong hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp. Ở trung ương đã thiết lập một số cơ quan lưu trữ như Tào Biểu bạ thời Thiệu Trị đổi thành Sở Bổn Chương để lưu giữ tài liệu của Nội các; Tàng thư lâu với nhiệm vụ bảo quản tài liệu, sổ sách của các bộ; Kho Lưu trữ Quốc sử quán có chức năng lưu trữ mộc bản, tài liệu do Nội các, các bộ, viện gửi tới cùng các thư tịch để phục vụ cho việc biên chép sử sách. Thời bấy giờ, cũng đã xuất hiện một số thuật ngữ lưu trữ như hồ sơ, lưu trữ, có sự phân biệt về mức độ tin cậy giữa bản chính và bản sao của văn bản bản giáp, bản ất, bản bính. Tuy vậy, dưới triều Nguyễn các vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ như cách lập hồ sơ, phương pháp phân loại tài liệu, kỹ thuật bảo quản tài liệu… chưa có cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào đặt vấn đề nghiên cứu, bàn thảo, cũng chưa có một tác phẩm nào về vấn đề này được biên soạn và công bố. Tóm lại, lưu trữ Việt Nam thời phong kiến chưa được nghiên cứu, xây dựng thành hệ thống lý luận, biên soạn thành sách.

Bước sang thời kỳ cận đại, sau khi thực dân Pháp thiết lập chính quyền đô hộ ở Nam Kỳ, Thống đốc Nam kỳ đã ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn các công sở nộp lưu, sắp xếp và bảo quản tài liệu theo cách mà lưu trữ Pháp đã làm. Chẳng hạn, Quyết định số 134 ngày 3-10-1868 của Thông đốc G. Ohier quy định các công sở phải giao nộp vào lưu trữ 3 loại tài liệu dưới đây :

* Các tài liệu có tính chất pháp lý
* Các tài liệu hành chính -kế toán (bao gồm cả các biên bản bán đấu giá, giao kèo mua bán)
* Các tài liệu có liên quan đến các công trình xây dựng (bao gồm cả bản vẽ kỹ thuật)…

Còn Quyết định số 70 ngày 17-2-1875 của Thống đốc Dupre quy định: “Tất cả bản gốc của các quy định, nghị định, quyết định, lệnh, chứng chỉ, giấy ủy quyền, giao kèo mua bán, các dự toán, sơ đồ, bản đồ,các bản thanh toán và các biên bản có liên quan đến các công sở khác nhau ở Nam Kỳ, không ngoại lệ, đều phải nộp lưu vào Lưu trữ Hội đồng Tư mật để sao và cấp bản sao theo nhu cầu. Thư ký viên sẽ tiến hành không chậm trễ việc sắp xếp lại hoặc cất vào kho những văn bản có liên quan đến những thành phần tài liệu hoặc là những loại tài liệu được quy dịnh trong Quyết định này, cho dù người giữ các văn bản đó là ai”[[10]](#endnote-10) .

Những quy định trên là sự ứng dụng thành quả nghiên cứu của lưu trữ học Pháp vào thực tiễn Việt Nam. Sau khi đặt nền thống trị lên toàn cõi Đông Dương, năm 1917 chính quyền thực dân thiết lập Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương để quản lý công tác luu trữ và thư viện của Việt Nam Lào và Campuchia. Paul Boudet, quản thủ lưu trữ tốt nghiệp Trường Lưu trữ -Cổ tự học (Ecole dés Chảrtes) được Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm làm giám đốc. Ông đã thực hiện tổ chức quản lý và tiến hành các nghiệp vụ lưu trữ dựa trên nền tảng lưu trữ học Pháp thời bấy giờ. Cả một quá trình từ khi Pháp thiết lập chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ năm 1862 cho đến năm 1930, chính quyền đô hộ Pháp không có chủ trương nghiên cứu lưu trữ học và đào tạo viên chức lưu trữ ở Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng. Đến năm 1931, Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương mới bắt đầu mở lớp đào tạo Thư ký- lưu trữ viên cho các công sở trên toàn Đông Dương.Tính đến năm 1945, đã có 220 thư ký-lưu trữ viên các công sở ở Đông Dương được đào tạo tại các khóa học này. Năm 1934, các bài giảng của khóa học đã được Paul Boudet tập hợp, biên tập và xuất bản thành sách “Manuel de l ảchiviste” (dịch ra tiếng Việt là Cẩm nang lưu trữ viên, hoặc Sách hướng dẫn nhân viên lưu trữ). Cuốn sách trước hết giới thiệu sơ lược lịch sử lưu trữ Đông Dương, sau đó trình bày các vấn đề về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ, như khái niệm về tài liệu lưu trữ; phương pháp lập hồ sơ; cách sắp xếp hồ sơ lên giá, tủ; phương pháp phân loại tài liệu và thông tin tài liệu,v.v…Có thể xem đây là tác phẩm lưu trữ học đầu tiên được ấn hành ở Việt Nam, nhưng của người Pháp và bằng tiếng Pháp, mãi đến thập niên 1970 mới được Cục Lưu trữ dịch ra tiếng Việt. Bởi vậy, tác phầm này không được nhiều người làm công tác lưu trữ Việt Nam biết đến. Ngoài ra, khi nói về lưu trữ học thời Pháp thuộc, sẽ là thiếu sót nếu bỏ quên một tác phẩm khác cũng của Paul Boudet xuất bản năm 1842: “Les archives des Empereurs d Annam et l histoire Annamite” (Dịch ra tiếng Việt là Lưu trữ của các hoàng đế Annam và lịch sử Annam). Cuốn sách phê phán các vương triều trước Nguyễn đã không quan tâm đến việc lưu trữ tài liệu, các văn bản gốc hầu như không được bảo tồn, khiến sử sách được biên chép không đảm bảo tính chân thực. Tác giả nêu nhận xét của Hàn Dũ, một học giả và nhà thơ nổi tiếng đời Đường, rằng người Việt không chuộng quá khứ, nên không còn chân sử (Việt tục bất hiếu cổ, lưu truyền thất kỳ chân). Tác giả dành phần lớn dung lượng của tác phẩm để viết về tổ chức lưu trữ triều Nguyễn và sự quan tâm cua các hoàng đế Gia Long, Minh Mệnh … đối với việc lưu giữ tài liệu của Hoàng triều; giới thiệu những tài liệu quý và những bảo vật như chiếu, dụ, kim sách, kim ngọc bảo tỉ, các sáng tác thơ văn của Minh Mệnh, Tự Đức mà Lưu trữ Hoàng triều còn lưu giữ được[[11]](#endnote-11).

**3. Thời điểm lưu trữ học Việt Nam thực sự hình thành**

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Nhà nước VNDCCH đổi tên Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương thành Nha Lưu trữ công văn và Thư viện toàn quốc và đặt trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục; ngày 8-9-1945, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 49 bổ nhiệm ông Ngô Đình Nhu làm giám đốc. Sau ngày Toàn quốc kháng chiến, Nha Lưu trữ và Thư viện toàn quốc không còn hoạt động. Theo một văn bản được lưu trữ ở Văn phòng Trung ương Đảng, trong kháng chiến chống Pháp và thời gian đầu sau Hiệp định Giơnevo 1954, công tác lưu trữ được giao cho một cán bộ của Thư viện Quốc gia phụ trách theo dõi, chứ không có sự quản lý thống nhất của Nhà nước.Trong khoảng thời gian kéo dài nhiều năm này,các vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ không được cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào nghiên cứu, luận bàn trên báo chí hay viết thành sách để xuất bản. Đến năm 1958, trước yêu cầu của thực tiễn về tổ chức và quản lý công tác lưu trữ, Trung ương Đảng và Chính phủ đã cử 4 cán bộ sang Trung Quốc khảo sát về công tác văn thư và lưu trữ để về xây dựng ngành lưu trữ của Việt Nam. Sau khi về nước, đã tham mưu cho Ban Bí thư ban hành Thông tri 259 ngày 8-9-1959 một số điểm về công tác văn thư, lưu trữ.Thông tri đã khẳng định giá trị và tầm quan trọng của tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ; yêu cầu các cơ quan, tổ chức đẩy mạnh việc sưu tầm, thu thập, sắp xếp và bảo quản tài liệu[[12]](#endnote-12). Kể từ thời điểm này, lý luận lưu trữ học của thế giới, trước hết củaLiên Xô và Trung Quốc từng bước được vận dụng vào thực tiễn công tác lưu trữ Việt Nam. Rõ nét nhất là từ tháng 9 năm 1962, sau khi Cục Lưu trữ trực thuộc Phủ Thủ tướng được thành lập để giúp Nhà nước quản lý thống nhất công tác luu trữ. Sự du nhập của lưu trữ học thế giới vào Việt Nam chủ yếu qua các hình thức và biện pháp sau đây:

* **Qua sách, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ của Liên Xô, Trung Quốc**… Nhiều sách, tài liệu đã được Phòng Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng và Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng dịch ra tiếng Việt, đánh máy, in tipo hoặc roneo và lưu hành đến lưu trữ tỉnh, huyện. Ví như cuốn giáo trình “Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ ở Liên Xô”, xuất bản năm 1958, “Những nguyên tắc cơ bản trong các viện lưu trữ nhà nước Liên Xô”, “Những tri thức cơ bản về công tác lưu trữ” của Trung Quốc, “Những tri thức cơ bản về công tác văn thư” của Trung Quốc…
* **Mời chuyên gia nươc ngoài**. Từ tháng 5 năm 1959 đến tháng 5 năm 1961, chuyên gia Liên Xô Emilin đã giúp Văn phòng Trung ương Đảng và Phủ Thủ tướng dự thảo Chế độ công tác văn thư, lưu trữ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ lưu trữ. Nhiều cơ quan trung ương và tỉnh đã tổ chức các cuộc họp với thành phần tham dự rộng rãi để nghe chuyên gia thuyết trình về mục đích, ý nghĩa, nội dung của công tác văn thư và lưu trữ. Bài thuyết trình đã được Văn phòng Trung ương Đảng in thành sách mỏng lưu hành rộng rãi trong các cơ quan Đảng và Nhà nước. Năm 1963, một chuyên gia Liên Xô khác- Phó tiến sĩ IN. Kunticôp cũng đã sang giúp Cục Lưu trữ về công tác này. Cục đã có nhiều cuộc trao đổi, tọa đàm với chuyên gia về tổ chức, quản lý và chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ; tổ chức cho chuyên gia thuyết trình các vấn đề này với cán bộ lưu trữ các cơ quan trung ương và Hà Nội; đưa chuyên gia xuống làm viêc với một số bộ, ngành và chính quyền địa phương về các vấn đề liên quan đến công tác lưu trữ. Ngoài ra, chuyên gia IN. Kunticop còn giúp Cục Lưu trữ xây dựng Bảng thời hạn bảo quản tài liệu tiêu biểu của các cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp. Tuy chỉ dừng lại ở mức dự thảo, nhưng Bảng thời hạn bảo quản này là tài liệu tham khảo quan trọng về xác định giá trị tài liệu trong những năm tháng đầu xây dựng ngành Lưu trữ Việt Nam.
* **Qua cán bộ lưu trữ đươc đào tạo ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu**. Thời điểm chúng ta chuẩn bị thành lập ngành lưu trữ, thì ở nhiều nước XHCN, trước hết là Liên Xô, công tác lưu trữ và khoa học lưu trữ đã khá phát triển. Liên Xô có một trường đại học riêng để đào tạo cán bộ lưu trữ bậc đại học và trên đại học; các nước XHCN như CHDC Đức, Hungari, Bungari… đều thiết lập bộ môn lưu trữ học hoăc khoa lưu trữ học ở Trường Đại học Tổng hợp của họ. Đó là điều kiện thuận lợi để Việt Nam gửi sinh viên, nghiên cứu sinh sang học tập, nghiên cứu. Năm 1960, Văn phòng Trung ương Đảng qua con đường Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã cử 6 cán bộ và học sinh sang học đại học lưu trữ ở Liên Xô. Đến năm 1962 lại cử thêm 15 người. Từ năm 1967 cho đến khi Liên Xô tan rã, hầu như năm học nào Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp cũng phân bổ lưu học sinh học tập về lưu trữ học ở Liên Xô hoặc các nước XHCN Đông Âu. Ngoài đào tạo đại học, Liên Xô và một số nước XHCN Đông Âu còn đào tạo cán bộ lưu trữ ở bậc học tiến sỹ và tiến sỹ khoa học cho Việt Nam. Tính đến năm 1990, Lưu trữ Việt Nam đã có trên 200 cử nhân, 8 tiến sỹ và 1 tiến sỹ khoa học về lưu trữ học được đào taọ ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu. Đội ngũ cán bộ này dã đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và phát triển ngành lưu trữ Việt Nam nói chung lưu trữ học Việt Nam nói riêng.

Trong hơn 20 năm đầu xây dựng ngành Lưu trữ Việt Nam- từ 1962-1987, chưa một tác phẩm về lưu trữ học nào được xuất bản. Khoảng thời gian này, lưu trữ Việt Nam chủ yếu là tiếp thu, vận dụng lý luận và kinh nghiệm công tác lưu trữ của các nươc XHCN; từng bước tổng kết thực tiễn để xây dựng thành lý luận phù hợp với thực tiễn lưu trữ Việt Nam. Cục Lưu trữ đã tổ chức nhiều cuộc họp tổng kết vê chỉnh lý tài liệu của các bộ, ngành và chính quyền các cấp. Theo đó, các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ như phân phông lưu trữ, thu thập, phân loại, xác định giá trị tài liệu, lập hồ sơ, biên mục, v.v… được đưa ra bàn thảo về nội dung và phương pháp tiến hành. Những tổng kết về chuyên môn nghiệp vụ mang tính lý luận và phương pháp này đã được công bố trên câc tập san, tập chí chuyên ngành của Cục Lưu trữ, Học viện Hành chính Quốc gia… nhằm phổ biến rộng rãi trong cán bộ lưu trữ các ngành, các cấp.

Năm 1987, cuốn sách Công tác lưu trữ Việt Nam do Vũ Dương Hoan chủ biên được biên soạn bởi các tác giả Vũ Dương Hoan, Trần Văn Hùng, Phan Đình Nham, Đỗ Ngọc Phác, Vương Đình Quyền và Nguyễn Văn Thâm được xuất bản. Cuốn sách trình bày tương đối có hệ thống các vấn đề lý luận về tổ chức, quản lý và chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ trên cơ sở vận dụng có chọn lọc lý luận lưu trữ học của các nước XHCN kết hợp với đúc kết thực tiễn công tác lưu trữ Việt Nam. Đây là tác phẩm lưu trữ học đầu tiên sau hơn 2 thập niên xây dựng ngành Lưu trữ Việt Nam. Tiếp dó, năm 1990, giáo trình lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ do Bộ môn Lưu trữ học Khoa Lịch sử Trường Dại học Tổng hợp Hà Nội biên soạn được ấn hành. Cuốn giáo trình đã trình bày khá toàn diện lý thuyết cơ bản về công tác lưu trữ trên cơ sở tham khảo lý luận của các nước kết hợp với nghiên cứu và tổng kết thực tiễn lưu trữ Việt Nam. Giáo trình không chỉ phục vụ cho đào tạo, mà đã trở thành tài liệu tham khảo, học tập của cán bộ lưu trữ các cơ quan trong nhiều năm sau này. Cùng với các tác phẩm lý luận được xuất bản, có khá nhiều đề tài nghiên cứu thu hút đông đảo người làm công tác lưu tham gia nhằm giải quyết những vấn đề về tổ chức, quản lý công tác lưu trữ và chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ mà thực tiễn lưu trữ đất nước đặt ra. Không ít kết quả nghiên cứu đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành hoăc ấn hành dưới hình thức sách chuyên khảo và giáo trình.Có thể nói, đến quãng thời gian nửa sau thập niên 1980, lưu trữ học Việt Nam đã hình thành rõ nét.

Như chúng ta đã biết, lịch sử Việt Nam hiện đại giai đoạn 1954-1975, ngoài Nhà nước VNDCCH, ở miền Nam còn có chính quyền Sài Gòn do đế quốc Mỹ lập ra. Ở đây, hệ thống tổ chức lưu trữ đã được thiết lập từ năm 1959 để quản lý công tác lưu trữ và tài liệu lưu trữ thuộc phạm vi chính quyền Sài Gòn. Do hoàn cảnh chiến tranh, cho nên chính quyền Sài Gòn chỉ quan tâm tác nghiệp đối với tài liệu của chính quyên đương đại dựa trên cơ sở lý luận của lưu trữ học Pháp và các nước phương Tây. Còn đối với tài liệu lưu trữ thời kỳ trung cổ và cận đại Việt Nam hầu như chỉ bảo quản, chứ không tổ chức khai thác sử dụng, ngoại trừ khối tài liệu châu bản triều Nguyễn đã được phân loại, dịch thuật và công bố một phần do có sự tài trợ về kinh phí của nước ngoài. Chính quyền Sài Gòn cũng không mở trường, lớp đào tạo cán bộ lưu trữ và tổ chức nghiên cứu về lưu trữ học. Tuy vậy, trong giai đoạn này, có 2 cuốn sách mang tính học thuật đã được ấn hành. Thứ nhất là cuốn Lưu trữ hồ sô của tác giả Nguyễn Hùng Cường, xuất bản năm 1971. Cuốn sách đã giới thiệu sơ lược lịch sử lưu trữ Pháp, Hoa Kỳ, Anh quốc, lưu trữ Việt Nam thời thuộc Pháp và lưu trữ chính quyền Sài Gòn; hướng dẫn cách lập hồ sơ, biên muc, sắp xếp tài liệu, làm thẻ tra tìm, phân loại tài liệu và thông tin tài liệu... Cuốn thứ hai có tên Cẩm nang văn khố, ấn hành năm 1972, do Nguyễn Ứng Long-Giám đốc Nha Văn khố Quốc gia chủ biên. Cuốn sách chủ yếu dịch một số bài viết về chuyên môn nghiệp vụ văn thư, lưu trữ của các nhà lưu trữ học Âu Mỹ như T.R. Schellenberg, Yves Petrolin, A. Scherer… ra tiếng Việt để học viên các lớp huấn luyện thủ thư lưu trữ và nhân viên lưu trữ các công sở tham khảo, học tập. Ngoài ra, sách còn giới thiệu khái quát tổ chưc lưu trữ thuộc chính quyền Sài Gòn và một số văn bản quy phạm pháp luật về lưu trữ . Từ 2 tác phẩm lưu trữ học nói trên, cho thấy, lưu trữ miền Nam thuộc chính quyền Sài Gòn chủ yếu tác nghiệp theo lý luận và phương pháp của Pháp và các nước phương Tây, chưa có sự nghiên cứu và tổng kết thực tiễn để xây dựng thành lý luận mang màu sắc Việt Nam.

**4. Lời kết**

Lưu trữ học là một khoa học liên ngành, có đối tượng nghiên cứu khá rộng. Dưới thời phong kiến, Viêt Nam chưa hình thành khoa học lưu trữ. Thời Pháp thuộc, công tác lưu trữ ở Việt Nam được tiến hành trên cơ sở lý luận được du nhập từ Pháp, thể hiện trong “Sách hướng dẫn nhân viên lưu trữ” của Paul Boudet. Tuy nhiên, chính quyền thực dân Pháp chỉ mở các lớp huấn luyện ngắn hạn để đào tạo lưu trữ viên sơ cấp, chứ không đào tạo cán bộ lưu trữ có trình độ cao và tổ chức nghiên cứu về lưu trữ học. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, do hoàn cảnh chiến tranh và một số nguyên nhân khác, cả một quá trình dài ngót 2 thập niên, lưu trữ Việt Nam thiếu sự quản lý thống nhất của nhà nước VNDCCH. Lý luận khoa học về lưu trữ chỉ thực sự được áp dụng vào công tác lưu trữ kể từ năm 1962, khi công tác lưu trữ có sự quản lý của Cục Lưu trữ-Phủ Thủ tướng. Hệ thống lý luận này chủ yếu du nhập từ Liên Xô và một số nước XHCN khác thời bấy giờ. Lưu trữ học Việt Nam hình thành và từng bước phát triển kể từ nửa sau thập niên 1980 khi 2 cuốn sách có tính học thuật về lưu trữ học đươc xuất bản, nhiều vấn đề mà thực tiễn lưu trữ Việt Nam đặt ra được bàn thảo, nghiên cứu với sự tham gia của đông đảo những người làm công tác lưu trữ và giới nghiên cứu Ngoài ra, trong giai đoạn lịch sử 1954- 1975, chính quyền Sài Gòn ở miền Nam cũng có hệ thống thống tổ chức lưu trữ , công tác lưu trữ ở đây chủ yếu dựa theo lý luận lưu trữ học của Pháp và các nước phương Tây. Lưu trữ chính quyền Sài Gòn không có chủ trương nghiên cứu về lưu trũ học, tuy có một vài tác phẩm về lưu trữ học được ấn hành.

Chú thích:

1. . Từ điển Từ hải, NXB Từ điển và Sách Thượng Hải,1989, trang1461, tiếng Trung [↑](#endnote-ref-1)
2. . Vương Đình Quyền chủ biên, Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1990, trang 18 [↑](#endnote-ref-2)
3. . Cục Lưu trữ Nhà nước, Từ điển lưu trữ Việt Nam, Hà Nội, 1990, trang 47 [↑](#endnote-ref-3)
4. . Các viện lưu trữ và công tác lưu trữ của nước ngoài, M, 1957, tập 2, trang 16, Tiếng Nga. [↑](#endnote-ref-4)
5. . M.F.Pê-tơ-rôp-scai-a, Hệ thống hóa tài liệu trong các viện lưu trữ Xô Viết, M, 1959, trang 11, tiếng Nga. [↑](#endnote-ref-5)
6. .V.V.Xô-rô-kin, Học thuyết Lênin và mối quan hệ đối với khoa học tư sản về sự đánh giá “nguyên tắc xuất sinh”, M, 1975, tập 31, quyển 5, trang 31- 32, tiếng Nga. [↑](#endnote-ref-6)
7. . Xem sdd, trang 32. [↑](#endnote-ref-7)
8. . GVCC.TS. Phan Đình Nham, PGS, TSKH. Bùi Loan Thùy, Lưu trữ học đại cương, NXB Đại học Quốc gia thành phố HCM, 2015, trang 91. [↑](#endnote-ref-8)
9. . Xem V.V. Xô- rô-kin, Học thuyết Lênin…Sdd, trang 32 [↑](#endnote-ref-9)
10. . Nguyễn Văn Thâm, Vương Đình Quyền, Đào Thị Diến, Nghiêm Kỳ Hồng,Lịch sử lưu trữ Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia thành phố HCM, 2010, trang118, 119. [↑](#endnote-ref-10)
11. . Paul Boudet, Lưu trữ của các hoàng đế Annam và lịch sử Annam, bằng tiếng Pháp, bản dịch của Cục Lưu trữ. [↑](#endnote-ref-11)
12. . Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phông Cục Lưu trữ, đvbq số 4, tờ 1-3.

    Bài viết tham dự Hội thảo khoa học Kỷ niệm 20 năm thành lập Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, năm 2016 [↑](#endnote-ref-12)